

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/8/2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đoàn Thị Huệ.

2. Bà Hồ Thị Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2020/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HN ngày 15/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2020/QĐST – HN ngày 05/8/2020, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1989. Cư trú: Ấp P.Th, xã Th.T, huyện A.M, Kiên Giang (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

\* Bị đơn: Anh Võ Văn C, sinh năm: 1991. Cư trú: Ấp X.Nh.A, xã T.Th, huyện A.M, tỉnh Kiên Giang. (*Vắng mặt lần 2 không có lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày và yêu cầu như sau: Chị và anh C chung sống với nhau từ năm 2014. Vợ chồng chị có đăng ký kết hôn theo quy định và được UBND xã T.Th cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/01/2014. Sau khi cưới thì vợ chồng về sinh sống với cha mẹ chồng tại ấp X.Nh.A cho đến năm 2016 thì vợ chồng ly thân cho đến nay.

Trong quá trình vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không cùng chí hướng nên đã ly thân từ năm 2016 đến nay.

**- Về con chung:** Chị B xác nhận, chị và anh C không có con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có phát sinh.

Do xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp nên chị B không yêu cầu giải quyết.

\* *Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Văn C không có ý kiến.*

\* *Tại phiên tòa:*

- *Chị B và anh C*: Vắng mặt

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Phía bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn C là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị B khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án để giải quyết thì anh C đang có nơi cư trú tại ấp X.Nh.A, xã T.Th, huyện A.M, tỉnh Kiên Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đối với anh C nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trường hợp vắng mặt của anh C không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và chị B có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị B và anh C.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị B và anh C chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T.Th và được cấp giấy chứng nhận kết

hôn vào ngày 26/02/2014 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị B về việc ly hôn với anh C, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị B cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống thì chị và anh C luôn bất đồng quan điểm, không cùng chí hướng nên anh chị đã ly thân và không còn liên lạc với nhau từ năm 2016 đến nay.

Qua xác minh tại nơi cư trú (ấp X.Nh.A), cho thấy trong quá trình chung sống giữa chị B và anh C thường xuyên cự cãi, vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm, không hạnh phúc là đúng.

Đồng thời, sau khi Tòa án thụ lý và Tòa án đã tiến hành triệu tập anh C nhiều lần để hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh C luôn vắng mặt, không có ý kiến gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị B.

Mặc khác, chị B và anh C đã ly thân từ năm 2016 đến nay nhưng anh chị không có liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị B và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị B được ly hôn với anh C.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị B xác nhận, chị và anh C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị B xác nhận, trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và không có phát sinh nợ chung nên anh không yêu cầu giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

Nhưng sau khi ly hôn, trường hợp có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của chị B và anh C thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị B phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử:***

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Võ Văn C.

2/ *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị B chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu 0007812 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị B đã nộp án phí xong.

3/ *Quyền kháng cáo:* Chị B và anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- THADS huyện An Minh;
- UBND xã **T.Th**;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Linh**